

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 922/2026/HS-ST
Ngày: 30-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký **Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Thiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 669/2026/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 962/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

1. Võ Dương Thành N, sinh năm 2008; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số A T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh**; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Võ Văn P** và bà **Dương Kim L**; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba chị em; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/02/2026 – Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Thanh L1**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: **Số B đường Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh** – Vắng mặt.

- Người bào chữa của bị cáo **Võ Dương Thành N**: Luật sư **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Số D N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh** – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 28/01/2026, **Võ Trần Danh L2** điều khiển xe mô tô biển số 59CA-036.74 chở **Võ Dương Thành N** đi chơi từ Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh, vì hết tiền tiêu xài nên **N** nảy sinh ý định tìm người sơ hở để chiếm đoạt và đề xuất với **L2** thì **L2** đồng ý. Khi cả hai đang lưu thông trên **đường S X Hà Nội, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh** thì nhìn thấy **Nguyễn Thành L3** đang ngồi trên vỉa hè nên **N** nói **L2** dừng xe và mở cốp xe rồi **N** lấy ra từ trong cốp xe 01 con dao, cầm trên tay phải, đi bộ lại chỗ **L3** đang ngồi, **L2** quay xe lại, dừng đợi **N**. **N** tới giả vờ hỏi **đường L**, lúc này **L3** trả lời “anh muốn đi đường nào”, “có bao nhiêu tiền đưa hết đây”, đồng thời dùng tay phải đang cầm sẵn dao chìa mũi dao vào cổ của **L3** và dùng tay trái lục soát người **L3** lấy 01 (một) bóp da trong túi quần bên phải **L3**, 01 túi đeo bằng vải trên cổ, bỏ bóp da vào túi vải sau đó đi ra xe chỗ **L2** đợi sẵn rồi tẩu thoát. Đi được khoảng 01 (một) km thì **N** nói **L2** dừng xe để kiểm tra tài sản vừa chiếm đoạt được, thấy trong túi vải có 01 điện thoại di động bị bể màn hình hiệu Redmi màu đen, 01 (một) bóp da màu xám bên trong có 700.000 đồng và giấy tờ tùy thân của **L3** rồi **L2** tiếp tục điều khiển xe mô tô chở **N** về hướng **Thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu S** thì dừng lại đổi người lái xe, **N** điều khiển xe mô tô chở **L2** đi đến khu vực trên, **L2** ngồi sau giữ túi vải bên trong có tài sản vừa chiếm đoạt được, đi đến khu vực trên **Cầu N hướng về Quận D** cũ thì **L2** ném bỏ điện thoại Redmi bị bể màn hình và tiếp tục đến khu vực **Quận E** cũ để chơi, ăn tối hết số tiền vừa chiếm đoạt được rồi về nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 29/01/2026 thì **Công an phường K, Thành phố Hồ Chí Minh** đến mời **N** và **L2** về trụ sở để làm việc.

Tại **Công an phường K, N** và **L2** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên nên đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H (Công an Thành phố H - Công an phường L)** để xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 07/5/2026 của Hội đồng định giá **Ủy ban nhân dân Phường L** xác định điện thoại di động Realme C21 4-64GB đã qua sử dụng có trị giá 1.750.000 đồng, bóp da và túi đeo bằng vải không đủ điều kiện về thông tin, tài liệu để tiến hành định giá tài sản.

- * Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:
- * 01 (một) con dao cán gỗ dài 22 cm;
- * 01 (một) xe mô tô biển số 59CA-03674. Kết quả xác minh do **Dương Kim L** - mẹ ruột của **Võ Dương Thành N** là chủ sở hữu. Bà **L** để xe mô tô ở nhà và đi ngủ nên không biết việc **N** lấy xe đi chơi và thực hiện hành vi phạm tội;
- * 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen đã qua sử dụng;
- * 01 (một) áo thun màu trắng có hoa tiết;
- * 01 (một) mũ nón bảo hiểm màu trắng;
- * 01 (một) quần Jean dài màu đen; Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** đã chuyển vật chứng đến Thi hành **án dân sự Thành phố H - Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2** tạm giữ, chờ xử lý.

* 01 (một) bóp da nam màu xám. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bị hại là Nguyễn Thành L3.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thành L3 đã được gia đình của Võ Dương Thành N và Võ Trần Danh L2 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên L3 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 44/CT-VKSKV2 ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Võ Dương Thành N về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025), xử phạt bị cáo Võ Dương Thành N 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội: Cướp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2026.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Võ Dương Thành N là luật sư Nguyễn Thị Ngọc H trình bày quan điểm bào chữa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng, thống nhất với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đối với bị cáo vì có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại đã bãi nại; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, trình độ học vấn và nhận thức pháp luật còn hạn chế; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và hành vi phạm tội mang tính bột bột của tuổi trẻ. Trên cơ sở đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự và các quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng. Đồng thời, đề nghị trả lại xe mô tô cho bà Dương Kim L là mẹ của bị cáo vì bà là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe và không biết việc bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Thanh L1 vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của bị hại, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Xét trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 28/01/2026, Võ Trần Danh L2 điều khiển xe mô tô biển số 59CA-036.74 chở Võ Dương Thành N đi từ Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh thì nảy sinh ý định tìm người sơ hở để chiếm đoạt tài sản. Khi lưu thông đến đường S X Hà Nội, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, N đã có hành vi dùng dao không chế Nguyễn Thanh L1 để chiếm đoạt 01 túi vải của anh Nguyễn Thanh L1, bên trong có chứa 01 điện thoại di động Realme C21 màu đen có giá trị 1.750.000 đồng, 01 bóp da bên trong có 700.000 đồng cùng giấy tờ cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, không muốn lao động chân chính nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Đối với Võ Trần Danh L2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tách vụ án để tiếp tục điều tra, giải quyết trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo **Võ Dương Thành N** đã có hành vi dùng dao khống chế bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo :

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Võ Dương Thành N** chưa đủ 18 tuổi nên thuộc trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, nên Cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện thủ tục xem xét áp dụng biện pháp xử lý chuyên hướng là có căn cứ.

Tại thời điểm xét xử, bị cáo đã đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do hành vi phạm tội được thực hiện khi bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, bảo đảm nguyên tắc xử lý chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc quyết định hình phạt đối với bị cáo phải căn cứ vào độ tuổi, mức độ nhận thức, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[7] Đối với quan điểm bào chữa của luật sư **Nguyễn Thị Ngọc H** đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy các tình tiết nêu trên phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Bộ luật Hình sự, Luật Tư pháp người chưa thành niên nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh **Nguyễn Thanh L1** đã được gia đình bị cáo **Võ Dương Thành N** và **Võ Trần Danh L2** bồi thường số tiền 5 triệu đồng, không yêu cầu gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) con dao cán gỗ dài 22 cm là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 59CA-03674. Kết quả xác minh do **Dương Kim L** - mẹ ruột của **Võ Dương Thành N** là chủ sở hữu. Bà **L** để xe mô tô ở nhà và đi ngủ nên không biết việc **N** lấy xe đi chơi và thực hiện hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bà **L** là có cơ sở;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen đã qua sử dụng; Đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội do đó trả lại cho bị cáo là có cơ sở.

- Đối với 01 (một) áo thun màu trắng có họa tiết; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng; 01 (một) quần Jean dài màu đen, là tài sản cá nhân của bị cáo, không có giá trị sử dụng, bị cáo không mong muốn nhận lại các tài sản trên do đó cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) bóp da nam màu xám, thuộc sở hữu của anh **Nguyễn Thanh L1**. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H** ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh **L1** là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 12, Điều 115; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024;

Xử phạt bị cáo **Võ Dương Thành N** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao cán gỗ dài 22 cm;

+ 01 (một) áo thun màu trắng có họa tiết;

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng;

+ 01 (một) quần Jean dài màu đen.

- Trả lại cho chị **Dương Kim L** (một) xe mô tô biển số 59CA-03674;

- Trả lại cho bị cáo **Võ Dương Thành N** 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen đã qua sử dụng.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ-VKSHNC-KV ngày 13/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh;

Lệnh nhập vật chứng số E2238/LNK-VPCQCSĐT ngày 17/4/2026 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an Thành phố H**).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo **Võ Dương Thành N** nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo ;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu